

Thành Toàn

Sinh trưởng trong một gia đình trung nông tầm thường, đời đời lam lũ với rẫy bãi ruộng nương, Phan Thế Vinh vốn không có tham vọng tiến thân bằng nghiệp văn Truyện khoa cử. Do hoàn cảnh côi cút, kẻ mẫu quá khắc khe, nên để tránh chuyện gia đình lục đục khó xử, người cha mượn cớ học hành, để tống con đến nhà người cậu họ tên Tú Kiết, để mà tị nạn. Tui thân phận, Thế Vinh tận tâm học hành. Nhờ chuyên cần, nhất là nhờ thông minh thiên phú, Vinh tiến bộ vượt bậc, nổi danh là bậc văn tài xuất chúng. Tú Kiết thương mến tài năng, đích thân đưa chàng đến gặp cụ Nghè Đồ Bảng, để nhờ cụ Nghè thu nhận dạy dỗ, hầu tài năng của chàng phát có cơ hội phát triển sâu rộng hơn. Cụ Đồ Bảng nguyên là vị Hàng Lâm Đại- học- sĩ tại đất Thần Kinh, công danh đang thời rực rỡ bỗng được tin hiền mẫu qua đời phải từ quan để cư tang. Chẳng bao lâu, người vợ yêu lại bạo bệnh từ trần. Biến cố dồn dập khiến cụ Nghè yếm thế, chẳng màng đến công danh sự nghiệp, quyết tâm sống đạm bạc chôn quê mùa, lấy việc trao truyền chữ nghĩa thánh hiền cho thế hệ mai hậu để làm niềm vui.

Thế Vinh sớm được cụ Nghè coi là bảo đồ, vì chàng ưu tú cả tài năng lẫn đức hạnh, nên có hoài vọng đào tạo người học trò thành một nhân tài hiếm có cho đất nước. Đáp lại, Vinh luôn luôn chứng tỏ là một người học trò xứng đáng, tôn kính và hiếu dưỡng thầy như từ phụ. Cụ Nghè chỉ có một cô con gái tên Quyên Quyên. Ngày Thế Vinh mới đến nhập học, Quyên Quyên còn bé bỏng cỡ tuổi 12, đối với bọn học trò lớn, vẫn thường ngây thơ vùi vĩnh để được chiều chuộng đưa đi dạo quanh vườn, rồi đòi hoa, đòi bướm. Vào học, Quyên Quyên cũng ngồi cạnh Vinh, nên hai người đã có cảm tình sâu đậm, dù mức độ giao tiếp cứ giảm dần khi Quyên Quyên đến tuổi dậy thì. Chỉ mấy năm sau, Quyên Quyên biến thành một thiếu nữ yêu kiều, nét na thơ mị, công dung ngôn hạnh vẹn toàn. Thế Vinh thâm yêu Quyên Quyên tự bao giờ, nên mỗi khi nghe phong thanh có gia đình trâm anh thế phiệt nào nhờ mai mối xin cưới nàng, thì Vinh đau khổ bỏ ăn, bỏ ngủ, ngớ ngẩn như kẻ điên khùng. Rồi cho đến khi được tin cụ Nghè khước từ họ, thì chàng lại phơi phới hân hoan nghĩ rằng cụ Nghè đã thầm dành Quyên Quyên cho chàng: cụ thương và hiểu rõ tài năng và tính tình trò. Thế là Vinh chỉ cần cố gắng học, chờ ngày đoạt bằng vàng rồi sẽ vầy duyên cùng người đẹp. Chầm chậm trên kiệu tân khoa vinh quy bái tổ, Phan Thế Vinh rộn ràng vẽ vời mộng đẹp. Có tiếng hò lơ ảm áp của ai trên cánh đồng ruộng lúa:

Hò.... ơ! Chim Quyên ăn trái nhãn lồng

Hò.... ơ! Thia lia quen chầu, vợ chồng quen hơi.

Làm Thế Vinh càng mơ về Quyên Quyên. Chàng thì thầm một mình: "Quyên ơi! Mình chưa là vợ chồng, mà sao anh nhớ nhung tha thiết mùi con gái đang xuân, mùi trinh nữ ngọt ngào của em quá đi!"

Vừa đến ranh giới làng Chú Trọng, huyện Mộ Đức, Thế Vinh ra lệnh cho phu kiệu dừng lại. Chàng trút bỏ bộ phẩm phục, thay bộ quần áo thô sơ sinh tầm thường cũ kỹ, một mình đi bộ đến nhà thầy. Thế Vinh muốn về nhà thầy với tư cách là một người học trò hiếu kính, chớ không xênh xang áo mũ tân khoa, giảm đức độ khiêm cung của kẻ sĩ.

Dù nóng lòng gặp thầy và Quyên Quyên, Thế Vinh cũng đành phải ghé lại căn nhà ngoài, gian nhà dành cho các người học trò xa nhà ở trọ, để thăm hỏi các bạn học hồng thi. Gian nhà trống trải làm Vinh ngạc nhiên tột độ. Thông thường, ngay cả Tết Nguyên Đán, học trò vẫn luân phiên cử người trực tại trường để chăm sóc thầy. Vinh cuống quýt bước về gian nhà chính. Ngôi nhà cũng vắng tanh. Vinh hồi hộp chạy vòng ra sau nhà bếp. Chàng mừng rú lên khi đi tìm thấy di Tư đang lúi cúi chăm sóc mấy nọc trâu. Tìm hiểu nguyên nhân về sự vắng mặt của thầy, Vinh rụng rời vỡ mộng. Cụ Nghè Đồ Bảng và Quyên Quyên đồng xuất gia tại chùa

Thiên Ân. Cụ Nghè đã phát nguyện xuất gia từ lâu, nhưng lần lựa chờ ngày cô con gái thành gia thất. Không ngờ Quyên Quyên thường theo cha lễ Phật nên cũng tiêm nhiễm hương vị giải thoát, và cương quyết chọn con đường tu hành. Mọi việc đều được chuẩn bị sẵn sàng cả năm rồi, nhưng cụ Nghè nghĩ thương đám học trò, nên tạm hoãn chờ ngày học trò lên đường đi thi mới lên chùa thế phát.

Thế Vinh lừng khờng trở ra, lòng rối ren áo não. Trước sân, hoa phượng vĩ vẫn rực rỡ như ngày nào, mà giờ đây, nàng đã không còn nữa? Bất chợt, Thế Vinh cảm thấy lân mẫn với nhà thơ Thôi Hộ đời Đường. Chàng ngâm nga bài thơ ứng khẩu theo thi tứ người xưa:

Ngày xưa cũng ở chốn này,

Em cùng hoa phượng, hây hây má hồng.

Bây giờ em ở cửa "không,"

Nhìn hoa cọt gió, chạnh lòng nhớ thương. (1)

Nhớ lại tình sử Thôi Hộ, bỗng Vinh thoáng thấy có tia hy vọng nhen nhúm trong lòng. Ngày xưa, khi Thôi Hộ chỉ thấy còn có hoa đào cọt gió đông mà không thấy người đẹp, bèn đề thơ bên cửa. Người con gái trở về, nhìn thơ mà tương tư chàng thi sĩ, nên ngày càng sầu héo. Đến khi Thôi Hộ hay tin tìm đến, thì nàng đang cơn hấp hối vô vọng. Thế nhưng những giọt nước mắt của Thôi Hộ đã làm cho người đẹp hồi sinh. Vinh nghĩ, chàng sẽ tìm cho gặp Quyên Quyên. Rồi biết đâu những giọt nước mắt của chàng sẽ khiến cho Quyên Quyên cởi bộ áo nâu sòng hoàn tục. Đó là lối thoát lý tưởng mà Vinh cố bám víu vào để hy vọng.

Thiên Ân tự (2) là một ngôi chùa cổ kính do sơ tổ Pháp Hoa tạo dựng trên đỉnh núi Thiên Ân, xã Niêm Hà, Quảng Ngãi. Trái núi hình dáng vuông vắn xinh xắn như một dấu ấn, ấn trời, phong cảnh thật cô liêu và trang nhã. Thế nhưng Vinh đâu còn tâm trí nào để ngoạn cảnh, chàng hấp tấp leo trèo cho mau đến đỉnh núi. Một nhọc quá! Vừa gặt mồ hôi nhễ nhại, Vinh vừa rửa thầm mấy ông sư bà vãi bày chi trò tu hành mê tín để quấy rối Quyên Quyên, làm khổ thân chàng.

Lên chùa, Vinh mới biết ni chúng cư trú ở một am riêng biệt gần đó, do sư bà Khánh Hỷ hướng dẫn tu học. Ni viện có truyền thống không tiếp khách thập phương. Du khách chỉ có thể liên lạc với ngôi chùa chính. Thầy tri khách, thiền sư Bảo Ân tiếp kiến Vinh, hỏi nguyên do chuyến viếng thăm. Vinh ú ớ không biết phải trả lời sao cho phải. Giữa chàng và Quyên Quyên chẳng có chút giấy liên hệ, còn mối tình cũng chỉ đơn phương dấu kín trong lòng, chàng khó viện lý do xin gặp mặt. Tuy nhiên, có lẽ nhờ thầy tri khách ôn hòa thông cảm, nên Vinh lần lần bộc lộ được nỗi lòng. Trút được uẩn khúc, Vinh khóc như mưa, để van xin thầy tri khách chuyển lời đến Quyên Quyên sao cho nàng thấu hiểu thâm tình của chàng. Không ngờ Quyên Quyên lòng dạ sắt đá không cho chàng gặp mặt, chỉ nhờ thầy tri khách nhắn lại: "Sa di ni Bảo Tường, - pháp danh của Quyên Quyên, quyết tâm tu hành nên không tiện gặp người đời bàn bạc chuyện thế gian phiền não nữa..."

Thế Vinh chẳng chịu thua, cứ năn nỉ xin được gặp Quyên Quyên một lần rồi vĩnh viễn không trở lại. Trước thái độ si tình khổ sở của Vinh, thầy tri khách siêu lòng, đồng ý thuyết phục dùm Quyên Quyên lần nữa. Lần này ni cô dứt khoát cho biết, ngày lễ xuất gia, ni cô đã phát nguyện trước Tam Bảo, là trong đời sẽ chỉ nghe và luận bàn Phật Pháp, nên rất tiếc không thể hầu chuyện với kẻ thế gian, trừ khi gặp người am hiểu Phật Pháp để bàn luận về Phật Pháp mà thôi.

Thế Vinh buồn bã lui thui lui gót, nhưng chưa ra khỏi cửa chàng đã quay trở lại. Vinh nghĩ học Phật đối với chàng không khó. Chàng phải hội đủ điều kiện tiên quyết này để đối diện được với Quyên Quyên, rồi sau đó, nhân việc bàn luận đạo, sẽ vạch trần những điều mê tín và sai lầm hầu thuyết phục nàng hoàn tục.

Vinh yêu cầu thầy tri khách hướng dẫn chàng học Phật. Sư Bảo Ân là vị tăng sĩ học vấn uyên bác nên đàm luận với kẻ thông tuệ như Vinh rất tương đắc. Thầy tri khách trình bày cho Vinh những điểm đại cương, rồi trao cho Vinh Kinh Luận từ thấp đến cao để tự nghiền ngẫm. Nhờ học Phật có phương pháp, Vinh am hiểu Phật giáo thật căn bản, từ đó, quan niệm của Vinh thay đổi hẳn. Thái độ khinh thường chê bai Phật giáo nhường chỗ cho sự kính phục và nghiêm túc học hỏi. Nghiên cứu đến kinh Lăng Nghiêm, Vinh lại ngạc nhiên đến tột độ. Kinh bao trùm những nghĩa lý huyền bí cao diệu, văn pháp lưu loát, lý luận vững mạnh, khí thế hùng tráng...không thể tưởng tượng nổi. Đến phần Phật giảng về Chân tâm và vọng tâm, bất thành linh, Vinh thấy có ánh sáng tràn ngập cả châu thân. Một niềm vui cao tột, lạ lùng khó tả làm thay đổi toàn vẹn con người của chàng. Chàng khám phá được rằng cái sở học trần tục bấy lâu nay chàng tự hào, chỉ là mớ kiến thức hạn hẹp lẫn quẩn chạy theo vọng tâm nông cạn. Rồi chàng đồng mãnh PHẬT BÁT» ĐỀ TÂM, quyết học theo hạnh làm PHẬT, để trở về cõi chân tâm diệu minh thường hằng.

Mỗi sâu tình giảng giảng bỗng dừng nhẹ hẳn ra. Vinh cảm tạ thầy Bảo Ân, và dù trong đáy lòng sâu kín Vinh vẫn mong mỗi nhìn Quyên Quyên lần chót nhưng chàng tự nghĩ mình đã hiểu đạo thì còn chạy theo giả cảnh chi nữa, nên dứt khoát rời bước.

Thế Vinh trở lên Phú Xuân(3) để phụng mệnh Chúa. Dù biết mình là kẻ mới đỗ đạt, vừa nhậm chức nếu từ quan ngay thì có thể bị gán tội khinh xuất mệnh Chúa, nhưng chí xuất gia đồng mãnh giúp Thế Vinh can đảm xin Chúa khoan hồng. Chúa Nguyễn Phúc Khoát (4) là vị Chúa nhân từ, lại hâm mộ Phật giáo từ thuở nhỏ. Ngài từng ước mong xuất gia nhưng vì nghiệp Chúa ngăn trở không thi hành được, nên chẳng những thông cảm mà còn khuyến khích Thế Vinh theo đuổi lý tưởng xuất gia đầu Phật. Thương chàng tiến sĩ trẻ tuổi mà có đạo tâm, Chúa nhận Thế Vinh làm dưỡng tử, đích thân gọi chàng đến Ôn Minh Giác, chùa Linh Mục (5) để nhờ thu nhận.

Về trụ trì chùa Kim Quang chưa đầy ba năm, đại sư Trí Thông, pháp hiệu của Phan Thế Vinh, đã nổi tiếng là bậc tam tạng pháp sư uyên bác nhất tại xứ đàng trong. Đại sư đã sẵn có thanh thế lớn: Đề từ ruột của Quốc sư và là dưỡng tử của Chúa Nguyễn đương thời. Đại sư nguyên là vị tiến sĩ tài ba, hùng biện, khéo léo, và giỏi tổ chức, nên đã biến ngôi chùa khiêm tốn trước kia, thành một tự viện nguy nga hùng vĩ nhất tại đất thần kinh. Thật ra khi đại sư được chúa yêu quý, thì quan quyền các giới cũng nối đuôi nhau " mộ đạo." Các bậc giàu sang đánh hơi được cũng ùng ùng quy y để có chỗ nương tựa. Rồi sau đó, giới bình dân cũng cuồng nhiệt thu hút đến. Dân chúng quy về đông đảo thì Chúa và quan quyền càng nể trọng sư, mà chánh quyền càng nể trọng, thì dân chúng lại càng đổ xô về nhiều hơn nữa. Cứ thế mà oai danh của đại sư Trí Thông lên ngàn ngút. Ngôi tự viện, do đó, được khuyếch trương vĩ đại là lẽ đương nhiên.

Vừa qua khỏi cổng tam quan, khách đã thấy hiện rõ hàng chữ " Sắc tứ Kim Quang Tự" trên bảng đồng chạm nổi thật đẹp. Trước sân chùa, vườn cây kiểng vô giá, gồm những cây cổ thụ con con cắt tỉa công phu, nép mình trong những chậu kiểng cổ xưa. Thế giới được thu nhỏ lại, với hòn non bộ xinh xinh, phản ánh đầy đủ cảnh núi non, rừng rú, biển khơi...đầy thơ mộng.

Trong chùa, kèo cột toàn dùng những loài danh mộc, chạm trổ công phu, từng viên đá, từng viên gạch, từng vật dụng chung bày đều được đích thân đại sư chọn lựa sưu tầm. Có thứ phải đặt mua từ Trung Quốc, có thứ do bàn tay thợ khéo nhất nước hoàn thành. Đây là chuông vàng, khánh bạc, kia là lọ lục bình cổ đời Đường, chậu cắm nhang đời Tống..

Đặc biệt nhất là tượng Phật điêu khắc linh động, biểu lộ nét trang nghiêm mà siêu thoát. Tượng Phật tuy rộng ruột nhưng lớn bằng người thật, đúc bằng sáu ngàn lượng vàng y, tạo dựng được hoàn toàn do tài ba của đại sư. Dĩ nhiên đại sư cũng tự hào và quý tượng Phật vàng vô cùng, nhất là, chính vì công nghiệp tạo tượng này, mà đại sư suýt phải bỏ mạng. Nguyên khi đại sư quyên góp gần đủ số vàng cần thiết, thì được một đại thí chủ thỉnh về Quảng Nam đăng đàn thuyết pháp. Chuyến hoằng pháp đó thành công rực rỡ. Đại sư lạc quyên thêm

trên một ngàn lượng vàng nữa. Trên đường về, đại sư và người đệ tử nhỏ, chú Quảng Long, bị bọn cướp đón đường tại đèo Hải Vân làm dữ để đoạt vàng. Bọn cướp không ngờ đại sư đã cẩn thận thuê bảo tiêu chở vàng về Phú Xuân bằng đường thủy.

Lỡ bộ, bọn cướp đành giữ người đệ tử làm con tin, thả đại sư về với điều kiện mang một ngàn lượng vàng chuộc mạng đệ tử. Về đến Phú Xuân, đại sư ngần ngừ không biết giải quyết sao cho phải. Vàng do Phật tử cúng dường đúc tượng Phật, đại sư không thể tự chuyên xử dụng, nhất là, ngày khởi công đúc tượng đã gần kề, không thể đình hoãn được. Rồi thì tin tức về bọn cướp cũng đến tai Chúa Nguyễn. Chúa ra lệnh cho quan quân tức thời tiêu diệt chúng. Bọn cướp tan rã dễ dàng, nhưng trước khi sa cơ, chúng nổi cơn hạ sát chú Quảng Long để trả thù. Thương đệ tử, thì đại sư chỉ có còn một phương cách là mang xác về chôn cất và cầu siêu mà thôi.

Vùng đất ven biển chạy dài theo dải Trường Sơn, đất đai đã cằn cỗi, mà nạn lụt lội thường xảy ra. Mùa đông năm Canh Thìn, cơn bão dữ dội lại tàn phá vùng ven biển. Trung tâm bão hướng về Quảng Nam, song Thuận Hóa vẫn bị ảnh hưởng, dù tương đối nhẹ hơn. Tuy nhiên, tại Phú Xuân, mưa vẫn dầm dề không ngớt và gió thì gào thét ghê rợn, nước tràn ngập cuốn phăng hoa màu, nhà cửa đồng bào. Nạn nhân: kẻ chết, người sống trong cảnh màn trời chiếu đất, cũng không phải là ít. Nạn đói rồi chắc chắn sẽ xảy ra.

Kim Quang Tự, tuy rất an toàn vì xây dựng trên nền móng vững chắc, nhưng đại sư Trí Thông vẫn trần trọc không yên. Đại sư đích thân đôn đốc tăng chúng chia phiên nhau canh giữ, đề phòng mọi bất trắc. Sau mấy ngày nổi cơn thịnh nộ, gió dịu dần rồi hết hẳn. Nhìn ngôi chùa nguyên vẹn kang trang vượn mình đón ánh nắng ban mai, đại sư Trí Thông cảm thấy sung sướng làm sao. Giờ thì đại sư có thể yên tâm soạn thảo Truyện trình Phật sự quy mô sắp tới. Người thị giả bồng gỗ cửa báo tin có ni cô Bảo Tường, xin diện kiến. Đang bận rộn, không muốn mất thì giờ vô ích, đại sư dự định từ chối, nhưng nghe pháp danh quen quen, nên đại sư ra lệnh mời vào.

Vừa thoáng thấy ni cô, đại sư bỗng giật mình sửng sốt. Ni cô chính là Quyên Quyên ngày trước. Xa nhau đã hơn tám năm, ni cô độ chừng 25 tuổi, tuổi nầy nở toàn vẹn, nên tuy vận áo nâu sòng mà vẻ đẹp lại rực rỡ hơn xưa. Mỗi tình sâu đậm vui chôn trong đồng tro tàn dĩ vãng, bỗng dựng bùng dậy mãnh liệt. Đại sư áp ứng:

- Quyên Quyên! Quyên Quyên!

- Tiểu ni pháp danh Bảo Tường. Xin kính chào đại sư tiền sĩ!

Trí Thông lấy lại được bình tĩnh, sư mỉm cười hân hoan:

- Thôi mà cô Bảo Tường! Danh vị tiền sĩ hư ảo kia mà cô vẫn còn nhớ hay sao?

- Dĩ nhiên là phải nhớ! Thầy tri khách đã căn dặn phải tôn xưng đại danh là " tiền sĩ đại sư" thì mới được tiếp kiến.

Lời nói thẳng thắn của sư cô làm sư Trí Thông đỏ mặt. Thật ra, khi phát nguyện xuất gia, đại sư đã khinh thị danh hiệu hư vị tiền sĩ hư ảo như cỏ rác. Thế nhưng, người đời lại coi hành vi buông bỏ công danh là trọng, nên thường nhắc nhở tán tụng. Đại sư ngăn cản thế nào cũng không chấm dứt được. Đến khi có người đệ tử thương thầy quá, tán tụng thầy là vị tiền sĩ đại sư, thì mọi người toa rập nhau gọi theo. Lúc đầu, đại sư cũng hơi khó chịu, nhưng nghe mãi quen dần thì đâm ra ưa thích. Bây giờ, nếu có người nào thưa hỏi mà thiếu danh vị tiền sĩ, thì đại sư không mấy hài lòng. Bọn đệ tử biết bụng dạ thầy, dặn dò khách rập khuôn theo mà nịnh bợ. Sự kiện đó, đến nay đại sư mới hiểu rõ, nên có phần xấu hổ. Đại sư đành phải làm lơ, hướng câu chuyện sang đề tài tương lai đạo pháp và xây dựng tự viện, mà quên lửng không hỏi lý do viếng thăm của ni cô. Ni cô chính là nguyên nhân đã khiến đại sư phát đại nguyện xuất gia, ngày nay, ni cô hiện diện đúng lúc

để chứng kiến thành công vượt bậc của sư, nên sư cao hứng thao thao bất tuyệt. Sư hướng dẫn ni cô đi xem chùa, giải thích cặn kẽ từng khía cạnh đặc thù của lễ lối kiến trúc, nét sắc sảo điêu khắc, trị giá của các châu, bình...cổ kính. Sau cùng, đại sư hãnh diện trình bày công trình to lớn để hoàn thành việc đúc pho tượng Phật bằng vàng y, trị giá trên sáu ngàn lượng.

Bấy giờ, ni cô mới điềm đạm lên tiếng:

- Thưa đại sư! Tiểu ni đến đây vì có tâm nguyện mong cầu đại sư giúp đỡ...

- Ni cô yên tâm. Chuyện khó khăn thế nào, thì ta cũng làm sao cho sư cô vui lòng.

- Không dám! Thưa đại sư! Bao lụt phá hoại mùa màng. Dân chúng đói rách rất là khổ sở. Tiểu ni kính xin đại sư mở lượng từ bi đóng góp phần nào cho quỹ cứu trợ...

- Ta sẽ kêu gọi Phật tử bốn phương góp công sức vào việc phước thiện đó!

- Thưa đại sư! Việc lạc quyền trong lúc này tiến hành rất chậm. Dám nào! Xin đại sư đổi tượng Phật thành sáu ngàn lượng vàng để đem đi cứu đói, thì công đức thật vô lượng!

- Ôi! Sao ni cô lại bạo gan xúi giục ta làm việc phạm thượng tội lỗi, là bán tượng Phật như vậy?

- Tượng Phật chỉ có tính cách tượng trưng, thì tượng đá, cây hay vàng đều giá trị như nhau. Và chẳng, tâm nguyện của chư Phật là đại từ bi cứu khổ chúng sanh, nếu đại sư đổi tượng thành thực phẩm cứu trợ dân, tức là hành theo tâm nguyện của chư Phật. Tiểu ni không có điều gì gọi là phạm thượng cả.

Đề nghị lạ lùng của ni cô làm sư Trí Thông ngớ ngẩn. Cả đời đại sư, đại sư đã tận lực lo cho chùa, lo đúc tượng Phật vàng đỏ. Đại sư thương từng viên gạch, từng viên đá, từng cái kèo, cái cột..., không bao giờ có ý nghĩ là sẽ xa rời, sẽ mất mát..., huống chi là có ý nghĩ bán pho tượng bảo vật, càng suy nghĩ, sư càng thấy thương yêu không rời bỏ được. Tượng Phật đó đại sư coi như hơi thở, như mạng sống của mình... nên đại sư phải tận lực bảo vệ. Cho nên, dù là nằng, là Quyên Quyên, mà tình yêu vẫn vương vẫn khôn nguôi, đại sư vẫn không đánh đổi pho tượng được. Đại sư cất tiếng la, thảng thốt như tiếng hét thất thanh của người chết đuối:

- Không! Không thể nào được!

- Tiểu ni hiểu là đại sư đã dính mắc sâu đậm ngôi chùa này, với tượng Phật này, không thể nào xả bỏ được. Giờ này! Dầu đúc Phật Di Đà có đích thân đón rước đại sư về cõi Tây Phương Cực Lạc, chắc đại sư cũng từ chối. Đại sư nhất quyết ở lại để ôm giữ ngôi chùa và pho tượng mà thôi.

Giọng nói của ni cô Bảo Tường nhỏ nhẹ, mà đại sư nghe như tiếng găm thét bên tai. Đại sư lặng người thấy ni cô từ giã ra đi, mà không biết dùng lời lẽ gì để cầm khách lại. Sư lẩm bẩm một mình: " Có thật là mình đã tham nhiễm, quyến luyến như vậy sao? Mình đã bám víu an hưởng cái Cõi hời hợt như kẻ thế tục chẳng? "

Có tiếng thần lằn nảo nuốt chắc lưỡi làm đại sư rùng mình. Nỗi sợ hãi mông mênh xâm chiếm. Đại sư lại nghĩ: " Mình tham đắm chẳng rời, nếu chết lúc này, thì chắc không thể nào siêu thoát được, bất quá, cũng như con thần lằn kia, bò lang thang quanh chùa, nhìn từng viên gạch, từng viên đá... để mà chắc lưỡi tiếc thương.... "

Cảm thấy muôn vàn hồ thẹn, đại sư vào tầng phòng đóng kín cửa để tự quán sát sự diễn biến của tâm mình trong thời gian gần đây.

Ngày sư được Chúa thượng vời về Kim Quang tự, tâm của sư trong trắng, luôn luôn tâm niệm trau dồi đức hạnh để hoằng dương Phật Pháp. Sư được Chúa thương yêu, rồi bao kẻ đua nhau chạy theo nịnh bợ tăng bốc thổi phồng sư lên mây. Lúc đầu, sư dè dặt không để những lời thuận tai đó vào tâm, nhưng lần lần sư bị sa lầy. Sư tin tưởng sư chính là bậc tu hành đạo cao đức trọng, một "đệ nhất danh tăng" kim cổ nước Việt. Từ đó, sư cuồng ngạo mong niệm một kế hoạch tái thiết Kim Quang tự thành ngôi đệ nhất tự viện tại xứ đàng trong (6). Thế rồi, sư lần lần trong đầu ý nghĩ kiếm tiền, gom góp cho thật nhiều tiền. Sư nhìn ai, nhìn vấn đề gì, cũng chỉ thấy khía cạnh tiền. Sư đánh giá Phật tử, kính trọng, ghét bỏ cũng trên căn bản đó. Đôi khi, nếu phải xử dụng mảnh khỏe hay lợi dụng chút y quyền của Chúa, để có tiền lo cho chùa, thì sư cũng không từ nan. Sư vẫn thuyết pháp, vẫn dạy đạo...để ai tu thời tu, còn phần sư, đường như...sư không tu. Sư chỉ coi đó là một bình phong để thu góp tiền cho chùa. Thế thôi.

Trời bắt đầu tối hẳn. Sư lên ra ngoài lúi thủ đi theo con đường làng, ngoái lại nhìn ngôi chùa khang trang, sư càng hổ thẹn về đạo đức rỗng tuếch của mình. Trời trong và đẹp. Vàng trắng non vừa đủ sáng để soi rọi cảnh tang thương mà trận bão tàn ác đã dày xéo xóm làng. Rải rác, vài đám lúa tơ mới cấy bị nước cuốn trôi, năm ba cây to tróc gốc, và cành lá thì rơi rụng khắp nơi. Mười căn nhà dân bị cuồng phong cuốn mất. Không biết số phận nạn nhân đối rách như thế nào? Lòng sư bỗng tràn ngập tình thương. Mấy hôm trước, sư đã nghe báo cáo về thiệt hại này, mà sao lúc đó lòng sư đứng đờ như bất động.

Sư tiếp tục rảo bước, cảnh chùa Di Đà ở đầu làng Vạn Xuân bị đổ nát làm sư chạnh lòng. Chùa Di Đà do sư Thiện Quang trụ trì. Thiện Quang là vị tu sĩ có tư cách, nhưng có khuyết điểm là quá thẳng thắn thành ra vụng về. Thầy không vồn vã, không chịu ý, không khen nịnh đệ tử...thành ra Phật tử thưa dần. Kịp đến khi sư Trí Thông về Kim Quang tự, sư đã trăm phương nghìn kế để thu Phật tử về một mối, thành thử chùa Di Đà càng xác xơ. Chùa nghèo đến nỗi không tiền sửa sang, cột kèo đã mục nát, thì làm sao chống chọi nổi với cơn giông bão. Bấy giờ, sư Trí Thông mới trách mình: Ôi, Ta vốn dạy đệ tử người giàu phải biết thương yêu giúp đỡ kẻ nghèo, mà có bao giờ ta nghĩ đến chùa giàu nên giúp đỡ chùa nghèo đâu? Ôi! Ta vốn kính trọng thầy Thiện Quang, mà khi lập chùa gần nhau, thì lòng ta ngầm ngầm có mầm mống cạnh tranh, chỉ mong cho chùa "đối thủ" chóng hoang tàn sụp đổ...

Trí Thông miên man suy nghĩ đi lần đến bờ sông Lô Dung(7). Làn gió mát làm sư tỉnh hẳn lại. Xa xa, ngôi chùa Linh Mục trầm lặng ẩn hiện sau hàng cau. Sư muốn được quì dưới chân thầy để cầu xin sám hối. Thầy cũng lo cho chùa, cho đạo mà đạo hạnh thầy cao ngất, còn ta thì bị cuốn lôi theo tham vọng nên đạo đức mỗi mòn. Rồi bỗng nhiên, Trí Thông nhớ lại từng chi tiết câu chuyện ngộ đạo của vị sơ tổ chùa Linh Mục ngày xưa:

"Tổ sư họ Cao, quán Phong Điền, Thuận Hóa. Thuở nhỏ, tổ đã không chịu dùng thịt cá, dù bị cha mẹ ép uống. Một hôm, theo mẹ lễ Phật, khóa lễ kéo dài mà bà cụ cứ nấn ná lo công quả trễ nãi, cậu bé buồn ngủ quá. Cậu bèn đến bàn Phật, gõ mấy tiếng chuông thật lớn. Bị trách mắng thì cậu bé đáp: "Con mê, nên phải nhờ chuông để cảnh tỉnh." Thiền sư Chí Thiện gặp được pháp khí, nên nhận làm đệ tử, và nhân câu chuyện gõ chuông, đã đặt pháp danh là Cảnh Chung. Cảnh Chung theo hầu thầy 10 năm, khi thầy liễu đạo, liền lên núi Đông Ngải, hang đá Thảng Lai, ẩn cư với pháp hiệu Vô Sự chân nhân, để chuyên tu thiền định. Chân nhân sống giản dị, hái cây trái và lá rừng làm thực phẩm. Chân nhân ngồi thiền liên tục hàng nửa tháng, khi xả thiền, các loài chim lạ vờn vũ quanh sư hát vang lưng như chào mừng đón nhận từ bi tâm của sư truyền cho. Những người thợ săn vô tình chứng kiến cảnh đó, hăm mộ, lạy xin chân nhân nhận làm đệ tử. Chân nhân bắt đầu giảng dạy họ Phật Pháp, rồi khuyên giải họ xa lánh nghiệp sát sanh hại vật. Danh tiếng của sư lan rộng dần, chẳng bao lâu, nhân dân các châu huyện gần xa, đều quy ngưỡng về sư.

Lúc bấy giờ, khi Nguyễn Ưông vừa bị anh rể là Trịnh Kiểm ám hại, Nguyễn Hoàng vội vã cầu Trịnh Nguyễn Bỉnh Khiêm diêu kế bảo toàn tánh mạng, được phán dạy: "Hoành sơn nhất đái, vạn đại dung thân." Hiểu ý, Nguyễn Hoàng âm thầm vận động xin về trấn thủ Thuận Hoá. Trước khi đi trấn nhậm, Nguyễn

Hoàng lại bái kiến Trạng lần nữa để cầu cảm nang an dân trị nước. Lần này, Trạng Trình ngâm nga:

"Lòng vô sự, trăng in nước.

Của thăng lai, gió thổi hoa." (8)

Hai câu thơ mang phong thái thiên dùng làm sách kế an dân có phần khó hiểu, nhưng Nguyễn Hoàng ôm ấp như sấm ký, chờ đến phút linh ứng mà xử dụng.

Thuận Hoá và các vùng đất đai mới khai phá, lòng dân chưa định. Những kẻ tiền phong dựng nước phương nam, tính khí vốn ngang tàng khó uốn nắn. Họ khao khát tự do và vượt thoát khỏi sự ràng buộc của phép Vua luật nước. Và chẳng, dòng họ Nguyễn đối với dân cũng xa lạ, do đó, tâm nguyện thu phục nhân tâm của Nguyễn Hoàng gặp nhiều trở ngại. Chúa lo lắng cải tổ hành chánh địa phương, chăm sóc thương yêu dân, mà tình hình cũng không cải thiện. Vì vậy, Chúa thường rời dinh cơ tại Ái Tử, để giả dạng đi đó đây dò xét dân tình. Một hôm, Chúa đi hành dọc sông Lô Dung, lên đến khúc sông uốn cong như rồng lượn bao phủ một quả đồi xinh xinh, thì dừng lại trên đồi. Tại đây, Chúa gặp một bà cụ già mặc áo đỏ, phong thái trang nhã thần tiên, tự xưng là Liễu Huệ công chúa, căn dặn: "Đây là huyết đất đã hội tụ đủ linh khí, nhưng phải xây dựng ngôi chùa, mời cho được Vô Sự chân nhân về trụ trì, thì sự nghiệp mới bền vững." Dứt lời, bà cụ biến mất. Lời dạy của bậc thần tiên, suy ra phù hợp với cảm nang Trạng Trình, khiến Chúa vô cùng phấn khởi. Chúa liền cho khởi công xây cất ngôi tự viện trên đồi Kim Long, đặt tên là LINH MỤ, Nghiã là Cụ bà linh thiêng, rồi đích thân lên động Thăng Lai, núi Đông Ngải, dùng lễ cầu hiền để thỉnh Vô Sự chân nhân về trụ trì.

Theo lời khuyên của chân nhân, dựa vào Phật giáo để liên kết nhân tâm tạo sức mạnh tinh thần dân tộc, Chúa thực thi kế sách nhân dân đến đâu, chùa chiền đến đó, nhiên hậu khi mọi việc ổn định, mới hình thành chính quyền địa phương. Từ đó, nhân tâm được thu phục lần lần, tạo nên khí thế hùng mạnh cho xứ đàng trong. Chúa Nguyễn Hoàng đối xử với chân nhân cực kỳ cung kính. Chúa thường đến chùa học đạo hoặc thỉnh ý chân nhân về những vấn đề hệ trọng, và thường thân mật gọi chân nhân là SUÔNG LINH MỤ. Quân dân bắt chước, nhưng gọi trại đi thành Ôn Linh Mụ, chữ Ôn phát sinh từ đó.

Vô sự chân nhân, nguyên là một sơn tăng không thích ràng buộc bởi lễ nghi phiền phức. Từ ngày bắt đắc dĩ hạ sơn năm giêng mới đạo, đề rồi bị mọi người, từ Chúa Thượng cho đến thứ dân cung kính suy tôn, là việc trái lòng. Do đó, chân nhân vẫn giữ nếp sống thanh đạm cũ, cũng như thời dựng biểu thiên quán cũ. Pháp môn thiền của chân nhân đặt căn bản trên kinh An ban thủ ý (9), nên rất giản dị: "Khi thở vào hành giả biết mình đang thở vào, khi thở ra hành giả biết mình thở ra," nói khác, khi nghe người tâng bốc hành giả biết mình đang nghe người tâng bốc, và chính vì vậy nên chân nhân luôn luôn tỉnh thức. Chiều chiều, chân nhân thường đi thiền hành một mình dọc theo bờ sông, những lúc đó, chân nhân không bị ngoại cảnh chi phối, nên cảm thấy thật thanh thoi, an lạc.

Chân nhân bước từng bước thanh thân, đi để mà đi chứ không phải đi để mà tới (10), thích dừng thì dừng... Yên lặng trong tỉnh thức. Một hôm, chân nhân đi xa hơn thường lệ, dừng chân nhìn giòng sông. Nước trong, êm ả và nhẹ. Giòng sông này, thuở nhỏ chân nhân đã từng lặn hụp, giờ phút hồn nhiên đó rất tuyệt diệu. Bốn bề thanh vắng gọi chân nhân thú tắm sông. Chân nhân cởi đồ rồi thoải mái trằm mình trong nước mát. Giòng nước xoa nhẹ làn da như cuốn trôi đi hết bụi trần, bụi chừa bám trên người sư. Chân nhân khoan khoái thở thật sâu và hụp đầu xuống nước. Khi chân nhân ngoi đầu lên, thì có tiếng trẻ nít la to:

- Ấy chết! Coi chừng ông trọc đầu nớ!

Bấy lâu nay tai của chân nhân bị bắt buộc phải nghe toàn là những lời cung kính hoa mỹ: Bẩm đại lão hòa thượng, Kính trình Ôn, Thỉnh nguyện, Thỉnh cầu, Chúng con đề đầu đánh lễ..., thật là nhàm chán. Nay chân nhân mới được gọi một cách hồn nhiên là ông trọc đầu, điều đó khiến chân nhân vô cùng sáng khoái. Chân

nhân quay đầu nhìn lại. Té ra đó là hai chú tiểu, lén cắp xuống ra chón vắng vẻ để đùa giỡn, mà lại còn lớn gan gọi Ôn là lão trọc đầu. Hai chú sợ điếng người, cuống quýt xá lia, miệng lắp bắp chẳng nên lời, suýt rơi tòm xuống nước. Chân nhân thương quá lên tiếng:

- Cái thằng ni lạ quá! Tao trọc đầu, mi gọi tao trọc đầu là đúng quá rồi! Có chi mô mà mi sợ hãi như rứa?

Chân nhân thốt lời đó trong một tâm trạng an lạc, không mảy may dính mắc ràng buộc gì với lễ nghi phiền phức của xã hội câu nệ. Và trong giây phút hồn nhiên đó, bỗng dung chân nhân hoát nhiên đại ngộ."

(Chư thiên sư, khi công phu viên mãn, thì đôi khi chỉ cần nghe tiếng chim hót, tiếng lá rơi....làm trợ duyên mà ngộ đạo. Sơ tổ Linh Mục, sau hơn 50 năm nghiêm trì tu tập, tâm đã rộng rang không trở ngại, nên nghe tiếng hồn nhiên của trẻ, mà đại ngộ cũng là việc bình thường)

Câu chuyện sơ tổ giúp sư Trí Thông định hướng cho nếp sống tu hành. Lòng đã chủ định nên sư bình thân trở về Kim Quang tự. Sư soạn thảo một bức thư dài viết cho bốn sư, Ôn Linh Mục. Trong thư, sư thú nhận rằng bấy lâu không nghiêm túc tu trì, thả lỏng tâm quay cuồng theo danh lợi hư hỏng mà không hay. May nhờ thiện tri thức nhắc nhở mới hồi tỉnh. Do đó, sư quyết định xin từ bỏ chức vị trụ trì Kim Quang tự, để theo hạnh khổ đầu đà hoằng hoá phương Nam, hầu xám hồi lỗi lầm. Thử đến sư thỉnh cầu bốn sư đứng ra đem pho tượng vàng thanh toán để lấy tiền cúng dường cho nạn nhân bão lụt. Ngoài ra, cũng xin bốn sư giải quyết những việc cần thiết trong đó có việc chọn lựa vị tân trụ trì cho Kim Quang tự. Viết xong, sư hướng về chùa Linh Mục, lạy từ tạ thầy rồi giao thư cho thị giả mang đi. Đoạn, sư âm thầm rời chùa, chỉ mang theo một bình bát, một tay nải đựng hai y hậu tầm thường, bộ kinh Lăng Nghiêm cùng vài món hành trang lật vạt của một du tăng khất sĩ.

Trước sự thay đổi nếp sống đột ngột, từ một vị trụ trì tôn kính lắm kẻ cung phụng, thành một khổ đầu đà lang bạt sư Trí Thông cũng gặp những khó khăn lúc đầu. Tuy nhiên, sự yếu đuối thể xác dễ dàng khuất phục bởi sức mạnh tinh thần, được củng cố bằng pháp môn hành trì buông bỏ, không dính mắc như vị sơ tổ Linh Mục, nên sư cảm thấy an lạc. Niềm an lạc mà trước kia, khi bận rộn với ngôi vị trụ trì, sư không bao giờ hưởng được.

Sư thường chọn những con đường làng vắng vẻ, tránh qua lại khu phố ồn ào. Đi khoan thai từng bước: Đi để mà đi chứ không phải để mà tới, cũng như, tu để mà tu chứ không nhằm đắc đạo. Thở ra sư biết mình thở ra. Thở vào sư biết mình thở vào. Bước chân thanh thản, êm ái, trân quý đặt vững vàng trên mặt đất thương yêu, như đang đi trên tịnh độ. Sư ngủ ở đình, miếu hoang, góc cay, mái hiên nhà..., và thọ thực thất thường tùy tầm hỷ cúng của đồng bào phật tử. Xóm làng nào thuận duyên, sư lưu lại đôi ngày hay vài tuần, tùy nghi giảng Pháp sống thực và đơn sơ. Sư đến với họ như người bạn đồng hành trên con đường tu tập hơn là vị thầy xa cách. Sư có thể ngồi đan thúng, dệt chiếu... hay đi mót lúa với đồng bào rồi tùy cơ giảng đạo. Sư cũng có thể làm vú em, chơi đùa hồn nhiên với trẻ con, để dạy chúng câu thơ, bài ca dao nhẹ nhàng đạo vị. Mà thật ra, sư cũng không nhất thiết phải mở lời. Sư hiện hữu của sư cạnh những người dân chất phác, nụ cười, dáng điệu, tư cách của sư... có cái gì gần gũi, ấm áp khiến cho họ tự nhiên thương mến đạo.

Càng đi lần về phương Nam, hệ thống chùa chiền càng khiếm khuyết về phẩm lẫn lượng. Chùa chỉ tập trung tại Gia Định thành và vài thị trấn lớn, còn vùng xa xôi thì hầu như vắng bóng. Nhu cầu hoằng pháp đôi khi đòi hỏi sự dừng chân một thời gian dài, và nếu hợp duyên sư cũng đứng ra tạo dựng một ngôi chùa làng xinh xắn. Dân quê dốt nát, nên sư chỉ hướng dẫn họ giáo lý đơn giản và thực tiễn, như tam quy ngũ giới, tu tâm dưỡng tánh, tránh ác hành thiện mà thôi. Điều đó rất hợp với sư, vì từ lâu, khi hành hạnh khổ đầu đà, sư chỉ chuyên tâm quán niệm hơi thở, còn cái sở học bao la huyền đàm sư không còn nhớ đến nữa. Dĩ nhiên, sư cũng truyền cảnh công phu, nhưng đọc tụng kinh điển, sư tụng để mà tụng, để tự nhiên cho kinh thâm thấu trực nhận, chứ không dùng lý trí xét đoán, hay suy luận tìm hiểu như xưa nữa. Khi ngôi chùa thành lập đã có cơ sở vững chắc, sư đến các đại tông lâm, thỉnh một vị đạo đức tăng để giao ngôi chùa, hầu tiếp tục tâm

nguyên một khổ đầu đà. Cứ thế mà trong thời gian hơn hai mươi năm, sư đã lần lượt tạo dựng được 9 ngôi chùa làng tại khắp vùng Vàm Cỏ và Tiền Giang.

Sư lại xuôi về miền Hậu Giang. Mùa thu năm Giáp Thìn, một trận lụt mà lúc khởi đầu có vẻ chỉ là chuyện ngập nước bình thường, lại biến thành tai họa thảm khốc. Nguyên hàng năm, vào mùa nước nổi, sông Cửu Long dâng cao tràn ngập ruộng đồng, đường xá, chợ búa. Dân chúng theo lệ, ở nhà sàn hay đắp nền nhà cao vừa phải, nước có dâng cao khỏi nền nhà chẳng nữa, thì cũng chịu đựng vài ngày thì lại từ từ rút xuống. Nhưng đến năm Bính Thìn, nước dâng lên mãi đến độ bất ngờ, và vì không chuẩn bị nên có kẻ khi thấy nguy hiểm, muốn di tản thì đã muộn, đành đeo mái nhà chờ chết. Sư liền vận động những đàn ghe cấp cứu người sống sót đem về những giòng đất cao tạm trú. Riêng những xác thây ma trôi phập phều, sư cũng đích thân vớt về. Và vì lý do nước ngập không thể đào huyệt, sư kết bè làm một bãi tha ma nổi, chờ nước rút rồi mới chôn cất. Cứ lụt xong, sư lại lên đường. Một hôm, hành hóa tại trấn Kiên Giang, vô tình sư khám phá được một ngôi chùa lá hoang vắng nhỏ bé, nằm lẻ loi ở đầu xóm Vĩnh Hiệp. Trước cửa có treo biển đề "Vô Môn Tự," mà nét chữ nguệch ngoạc đã lu mờ. Chùa vắng người, nhưng cũng không đến nỗi lạnh lẽo. Có lẽ, tuy không có người ở thường trực, nhưng cũng có thiện tín đến chùa đốt nhang, lễ Phật. Tượng Phật bằng đất, đắp vụng về, vừa thiếu cân xứng, vừa làm gương mặt kém từ bi. Thật tiếc! Sư thầm nghĩ, rồi sư liền tưởng đến tượng Phật vàng Kim Quang Tự. Tượng Phật vàng như vết thương đã lành, mà sẹo vẫn còn, nên dù trên 24 năm qua, sư hành pháp buông bỏ, mà vẫn gọi nhớ khi vô tình thấy một pho tượng kém mỹ thuật. Như thường lệ, sư quán niệm câu kinh Kim Cang "Nhược dĩ sắc kiến ngã, dĩ âm thanh cầu ngã, thị nhân hành tà đạo, bất năng kiến Như Lai" để đối trị.(11)

Mây đen vẫn vũ từ lúc nào, mà mưa nặng hạt rơi ào ào trên mái lá. Mái chùa mục nát. Nước dột vài nơi. Trước mặt sư, một dòng nước to bỗng rơi thẳng xuống tượng Phật. Đất bị thấm nước rã dần đi. Chứng kiến cảnh tượng Phật bị hư hoại, bất giác, sư nhớ đến bài pháp của tổ Triệu Châu:

"Đừng để Phật đồng vào lò, đừng để Phật gỗ vào lửa, đừng để Phật đất vào nước. Phật thứ thiệt ngồi ở bên trong. Bỏ đề và niết bàn, Chân như và Phật tánh, tất cả là chiếc áo ngoài buộc siết thân thể. Chúng được coi như là phiền não..."

Sư bỗng nhiên lặng người, thân tâm biến mất, chỉ thấy trước mặt mình hiển hiện một khối duy nhất quang minh chiếu diệu lung linh tuyệt vời. Một thoáng sau kinh nghiệm đó sư bừng tỉnh lại nhìn tượng Phật thì thấy tượng đã trở thành một đồng đất khô nứt nẻ. Té ra một thoáng của cơn đại định, là đã mấy ngày trôi qua rồi.

Sư quyết định dừng lại nơi này. Hàng ngày sư đọc tụng kinh Lăng Nghiêm để kiểm chứng sở đắc mình, đồng thời, bắt đầu thăm nom săn sóc đám dân chài. Những kẻ sinh nhai về nghề biển, làm việc nhọc nhằn và thấp phần nguy hiểm nhưng thu hoạch tương đối khá cao. Sau chuyến đi mười ngày họ có thể nghỉ ngơi cả tháng. Đó là thời gian cờ bạc, rượu chè... dễ rồi gây chuyện chửi bới, húc hặc nhau suốt năm. Giáo hóa họ đạo lý là việc khó khăn, đó cũng là nguyên nhân khiến vị sư kiến tạo ngôi chùa ngày trước đã thất vọng bỏ đi.

Tuy nhiên đạo đức của sư Trí Thông đã cảm hóa họ nhanh chóng. Thú cờ bạc, rượu chè bữa bãi giảm dần. Nhận thấy nghiệp sát sanh của họ quá nặng, sư khởi xướng phong trào ăn chay tập thể. Nhà chùa nấu cơm chay sẵn rồi khuyến khích Phật tử quây quần ăn chung. Lúc đầu, sư tổ chức mỗi tháng một ngày, rồi tăng dần đến mười ngày. Số Phật tử tham gia ngày càng đông, nên sư cần những cái nồi thật to. Một khách thương hồ chuyên buôn bán nồi tại vùng Sóc Soài, đặt một chiếc nồi đặc biệt to như một cái lu, nhưng thấp hơn, để cúng dường cho sư. Nồi quá lớn, không có dịp xử dụng, nên sư để ở mái hiên trước chùa, hứng nước mưa. Trẻ con gọi chiếc nồi đó là "nồi Ông," và cũng có đứa gọi là Ông nồi." Từ đó, dân chúng thích gọi chùa của sư là chùa Ông Nồi, cái tên nôm na dễ nhớ và gần gũi với họ.

Vào một đêm trăng tròn tháng chạp năm Mậu Thân, sau phần công phu, chú khu ô sa di (12) Quảng Hiền đã chuẩn bị giờ chỉ tịnh, thì có tiếng quân lính rầm rộ la hò bao vây khu xóm như đang lùng bắt kẻ trọng phạm.

Một người trẻ tuổi, hoảng hốt phóng chạy vào chùa, vừa thấy sư Trí Thông đã vội vàng quì xuống cầu xin cứu giúp. Sư bình tĩnh bảo khách nằm gọn trong chiếc "nồi ông," đây nắp lại. Sau đó, sư ngồi thiền như thường lệ. Toán lính tràn vào chùa lục soát, chỉ thấy một vị sư già ngồi thiền và một em bé nằm ngủ. Chùa trống trải không có nơi nào ẩn nấp, và cũng không thấy điều chi nghi ngờ, nên toán quân lính trở ra, lùng kiếm nơi khác.

Khi những tiếng la ó của quân lính nhỏ dần, sư Trí Thông, dờ nắp nồi lên, gọi nhỏ:

- Nguyễn công tử. Mọi việc đã yên ổn. Xin công tử an tâm bước ra.

- Nhà người...À! Sư cũng biết ta sao?

- Dạ biết! Ngài chính là Chúa Nguyễn Phúc...

Sư Trí Thông chưa nói hết câu thì mũi kiếm từ tay người khách trẻ đã đâm thẳng vào ngực sư. Sư ngã quỵ xuống, máu ra thành vòi. Người tuổi trẻ, thật ra, tâm địa không đến nỗi quá ác độc. Y chỉ có khuyết điểm là xem ngôi Vua quá trọng, nên hy sinh tình nghĩa. Vì ngai vàng ám ảnh nên đa nghi quá đáng, thủ hạ trung thành như Đỗ Thành Nhơn mà vẫn đang tâm hạ độc thủ, hướng chỉ sư chỉ là kẻ xa lạ. Đang cơn nguy khốn, Chúa lo sợ tông tích bị tiết lộ, nên hạ sát người bịt miệng như một phản ứng tự vệ mà thôi. Hành động xong, nhìn thấy vị sư già hấp hối, lòng Chúa hơi rung động, nên Chúa ngần ngừ chưa vội chạy đi.

- Quảng Long! Quảng Long! Ta thật cảm ơn con đã thành toàn cho ta.

Đoạn sư ngoắt Chúa lại gần, cố gắng nói tiếp:

- Công tử hãy chạy về hướng biển, đến căn nhà tận cùng, tìm cho được đệ tử ta là Trần Trung để nhờ chở ra khơi thì mới mong thoát nạn.

Nghe lời chỉ dẫn, Chúa vui mừng gật đầu rồi chạy biến đi.

Chú tiểu thức giấc từ lâu, mục kích nội vụ run sợ im thin thít trên chõng tre, giờ mới lo ngại chạy đến bên thầy, khóc thút thít.

Sư nắm tay đệ tử, thương yêu dặn dò:

- Sanh tử là việc thường, có sao con lại khóc? Nghiệp quả trả xong, thầy rất an lòng đã thành toàn tâm nguyện.

Sư đã yếu lắm rồi, âm thanh nhỏ mà vẫn rõ ràng. Sư cố gắng móc túi lấy một phong thơ viết sẵn đưa đệ tử, nói tiếp:

- Con hãy tìm đến pháp huynh ta là sư cụ Vĩnh Tràng tại Định Tường để tiếp tục học đạo.

Chú Quảng Hiền thương thầy quá. Té ra thầy biết sẽ gặp tai kiếp, và đã chu đáo sắp xếp tương lai cho chú. Cảm động chú lại ồ lên khóc nức nở.

- Con nên cười lên và niệm chú vãng sanh với thầy nghen con!

Sư niệm chú vãng sanh. Tiếng của sư nhỏ dần, nhỏ dần rồi tắt hẳn, mà gương mặt tươi nhuận vẫn như còn

phảng phất nụ cười.

* * *

Chúa Nguyễn được Trần Trung đưa đi lánh nạn tại các hòn đảo Lôi Sơn, Cù Tron, Nghệ..., rồi sang Xiêm La cầu viện. Câu chuyện thoát hiểm được tô điểm lại, theo đó Chúa ẩn thân trốn trải sau một pho tượng tại ngôi chùa nhỏ thộc trấn Kiên Giang, nhưng nhờ "chân mệnh đế vương," được Phật Trời phù hộ, nên giặc Tây Sơn lục tìm mãi vẫn không thấy. Câu chuyện biến thành huyền thoại được nhân dân miền Tây tin tưởng, nên mặc dầu, lực lượng của Chúa bị đánh tan rã nhiều lần, Chúa vẫn tái lập và phục hồi nhanh chóng. Không bao lâu, đến năm Nhâm Tuất Chúa khôi phục giang sơn, tự xưng là Vua, đổi tên nước là Đại Nam. Vua là người ân oán phân minh, nên một mặt đào mồ cuốc mả kẻ thù, và mặt khác ban bố lợi lộc chỗ có ân. Không nhớ đích xác ngôi chùa thoát hiểm, Vua ban sắc tứ cho tất cả các chùa thộc thị trấn Kiên Giang, và ra lệnh xuất công khổ tu bổ những chùa này. Hai ngôi chùa Thập Phương và Tam Bảo (13), nhờ vậy, được sắc tứ và kiến thiết trở thành hai ngôi chùa cổ khang trang nhất tại miền Tây.

Trong thời gian này, chùa Ông Nồi đã hư hoại nên không được hưởng ân Vua. Mãi đến mười năm sau, tỳ kheo Quảng Hiền tu học về, thương nhớ thầy nên tái dựng lại ngôi chùa cũ. Thầy cũng theo truyền thống của sư phụ, là nấu cơm chùa cho những đồng bào nghèo "chùa," nên mặc dầu chiếc "Nồi Ông" đã bị hư nát, mà đến nay người dân vẫn quen gọi ngôi chùa là Chùa Ông Nồi, như 200 năm về trước.

Tháng 11, 1988 Huỳnh Trung Chánh

Ghi Chú:

(1) Nguyên tác bài Đường thi của Thôi Hộ:

Khứ niên, kim nhật, thử môn trung

Giả ngoại, đào hoa tương ánh hồng

Nhân diện bất tri hà xứ khứ?

Đào hoa y cựu tiếu đông phong.

Tạm dịch:

Tại đây, năm ấy, ngày này

Hoa đào, người đẹp hây hây má hồng

Hoa đào vẫn cột gió đông

Mà nay chẳng biết bóng hồng nơi nao?

(2) Thiên Ân tự do thiền sư Pháp Hoá, gốc Tiểu Châu tạo dựng năm 1694 trên núi Thiên Ân, Quảng Ngãi. Hai vị tổ kế vị sư là tổ Khánh Vân và tổ Bảo Ân.

(3) Phú Xuân: Làng Phú Xuân tuộc huyện Hương Trà, Thuận Hoá, đã trở thành kinh đô của xứ đàng trong sau khi Chúa Nguyễn Phúc Trăn thiên phủ về năm 1687.

(4) Chùa Linh Mục do Chúa Nguyễn Hoàng ra lệnh xây dựng năm 1601 trên đồi Kim Long. Đến đời Minh Mạng, chùa được cải danh hiệu lại là THIÊN MỤ.

(5) Chúa Nguyễn Phúc Khoát (1738- 65) là vị chúa nhân từ và mộ đạo. Ngài tự xưng là Từ Tế đạo nhân khi ban sắc tứ các chùa.

(6) Xứ đàng trong: Chỉ cho phần đất từ sông Gianh trở vào Nam trong thời Trịnh Nguyễn phân tranh.

(7) Lô Dung: Tên xưa của sông Hương

(8) Phát xuất từ bài thơ "THẾ SỰ":

Chưa dễ ai là Phật Thích Ca

Mọi niềm nhân ngã, nhẩn thì qua

Lòng vô sự, trắng in nước,

Của thẳng lai, gió thổi hoa.

Kìa khách xuân xanh khi trẻ

Mấy người đầu bạc tuổi già!

Thanh nhàn ấy, ắt là tiên khách

Được thú ta, đã có thú ta.

Nguyễn Bình Khiêm

(9) Kinh An ban thủ ý: Tức kinh Quán niệm hơi thở. Kinh đã được thầy Nhất Hạnh dịch và chú giải. (Lá Bối 1987)

(10) Phỏng theo Thiên Hành Yếu Chỉ của thầy Nhất Hạnh

(11) Việt dịch:

Nếu thấy ta bằng sắc tướng

Nghe ta bằng âm thanh

Người này đi đường tà

Không thấy được Như Lai

Trích Kinh Kim Cang (T.T.Thiền Hoa)

(12) Khu Ô Sa Di: Nghĩa đen là sa di đuổi quạ, tức là loại sa di tuổi từ 7 đến 13, chỉ có thể làm những việc lật vật như xua đuổi quạ, chứ chưa đúng hợp ngôi vị sa di.

(13) Các ngôi "Sắc tứ Tam bảo tự" tại ấp Vĩnh Lạc, "Sắc tứ Thập Phương tự" tại ấp Vĩnh Thanh, và chùa Ông Nồi ấp Vĩnh Hiệp đều là những ngôi chùa xưa, và vẫn còn tồn tại thị xã Kiên Giang.